

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2023/DS-ST**

Ngày: 03/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.
2. Bà Võ Thị Xuân Đào.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 243/2022/TLST-DS ngày 19/12/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 19/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 12/7/2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, Số 266-268 Đường NKKN, phường Võ Thị S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo pháp luật:* B Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

* *Đại diện theo ủy quyền:* Công ty TNHH Quản lý nợ v khai thác tài sản Ngân hàng SGT (Công ty SBA).

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông L Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan Bảo N, sinh năm 1984;

Cng Địa chỉ: Số 278 Đường NKKN, phường V Thị S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1936/2023/UQ-TGD ngày 03/7/2023 của Công ty TNHH Quản lý nợ v khai thác tài sản Ngân hàng Si gòn Thương tín)

- *Bị đơn:* Ông S Số 266-268 Đường NKKN, phường Võ Thị S, Quận C, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số 30/8/13 Đường Phạm Ph T, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Bảo N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Lương Tấn C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Bảo N trình bày:

Ngày 18/12/2019, ông Lương Tấn C có ký với Ngân hàng TMCP SGT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng v bản Điều khoản v điều kiện ph hnh v sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của ông Lương Tấn C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 90.792.600 đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 75.062.930 đồng. Tổng số tiền ông Lương Tấn C đã nộp sẽ được thanh toán theo thứ tự quy định tại Điều 21 của Bản điều khoản v điều kiện ph hnh sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: Tiền lãi trong hạn: 9.987.787 đồng; Phí trễ hạn thanh toán: 1.055.428 đồng v Phí thường niên: 1.998.000 đồng;

số tiền còn lại trừ vào số tiền đã giao dịch 90.792.600 đồng. Tính đến ngày 26/9/2021 thì ông C còn nợ là 28.770.885 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 26/9/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 28.770.885 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.6%/tháng (bằng lãi suất trong hạn 2,4%/tháng x 150%) theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Đến ngày 20/10/2021, ông C thanh toán thêm số tiền gốc 2.000.000 đồng nên dư nợ gốc còn lại là 26.770.885 đồng và tổng số tiền mà ông C đã thanh toán cho ngân hàng là 77.062.930 đồng.

Tính đến ngày 03/8/2023, ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 26.770.885 đồng; nợ lãi quá hạn: 21.806.225 đồng, tổng cộng là 48.577.110 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông Lương Tấn C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/8/2023 là 48.577.110 đồng.

Đồng thời, yêu cầu ông Lương Tấn C phải có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

* *Bị đơn là ông Lương Tấn C:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Tấn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Lương Tấn C.

* *Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Bảo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là ông Lương Tấn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lương Tấn C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng yêu cầu, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự theo đúng quy định, thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/12/2019, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT (Sacombank), có cơ sở xác định Ngân hàng Sacombank và ông Lương Tấn C có ký hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng.

Căn cứ vào thu nhập của ông C, ngày 20/12/2019, Ngân hàng Sacombank cấp thẻ tín dụng số 436438-9827 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân.

Căn cứ bản tóm tắt sao kê nguyên đơn cung cấp chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 436438-9827, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 90.792.600 đồng và đã thanh toán tổng số tiền là 75.062.930 đồng (nguyên đơn trình bày tổng số tiền 75.062.930 đồng sẽ được trừ thanh toán cho tổng tiền lãi trong hạn: 9.987.787 đồng, phí trễ hạn thanh toán: 1.055.428 đồng, phí thường niên: 1.998.000 đồng; số tiền còn trừ vào số tiền đã giao dịch 90.792.600 đồng); dư nợ còn thiếu là 28.770.885 đồng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 26/9/2021, Ngân hàng Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 28.770.885 đồng sang làm nợ gốc tính quá hạn. Ngày 20/10/2021, ông C thanh toán thêm số tiền 2.000.000 đồng nên dư nợ gốc còn lại là 26.770.885 đồng. Ngân

hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu ông Lương Tấn C thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/8/2023 là 48.577.110 đồng, bao gồm nợ gốc: 26.770.885 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.806.225 đồng, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông C phải có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Tuy đã được Tòa án thực hiện niêm yết công khai, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C không thể hiện ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Mức lãi suất nguyên đơn trình bày áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.6%/tháng (bằng lãi suất trong hạn 2,4%/tháng x 150%) theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp quy định theo Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Do đó, Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền nợ đối với thẻ tín dụng ông C đã sử dụng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT, buộc ông Lương Tấn C phải thanh toán tổng số tiền nợ đối với thẻ tín dụng đã sử dụng tính đến ngày 03/8/2023 là 48.577.110 đồng, bao gồm nợ gốc: 26.770.885 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.806.225 đồng.

Ông C phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án của Tòa án có

hiệu lực pháp luật. Mức lãi suất được áp dụng theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

2. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

- Ông Lương Tấn C ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP SGTT (Sacombank) mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nơi cư trú của bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 3, Quận 6 thì ông Lương Tấn C có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số 30/8/13 Đường PPT, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương do bị đơn đi từ năm 1985. Có thông tin ông Lương Tấn C cư trú tại số 83/2 Lín khu 16-18, phường BTĐ, quận BT.

Tuy nhiên, Công an phường BTĐ, quận BT xác minh: Tại khu phố 18, không có địa chỉ số 83/2 Lín khu 16-18, phường BTĐ, quận BT.

Như vậy, việc ông Lương Tấn C không cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú cho Ngân hàng để ghi địa chỉ. Do đó, Tòa án căn cứ vào địa chỉ mà ông Lương Tấn C ghi trong Hợp đồng giao kết với Ngân hàng để thụ lý giải quyết đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Sacombank cung cấp thể hiện: Vào ngày 18/12/2019, ông Lương Tấn C ký kết với Sacombank Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; ngày 20/12/2019 được Sacombank chấp thuận cấp cho ông C thẻ tín dụng số 436438-9827 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; lãi suất, phí theo Biểu phí và điều khoản điều kiện phát hành thẻ của Sacombank.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 90.792.600 đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 75.062.930 đồng. Tính đến ngày 26/9/2021 thì ông C còn nợ là 28.770.885 đồng.

Tính đến ngày 03/8/2023, ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 26.770.885 đồng; nợ lãi quá hạn: 21.806.225 đồng, tổng cộng là 48.577.110 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đối chiếu với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank; Bản sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch đối với các giao dịch của bị đơn; Giấy nhắc nợ đối với bị đơn... có căn cứ xác định bị đơn đã được Sacombank cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, thông qua việc phát hành thẻ tín dụng. Trong quá trình giao dịch, bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank, nên việc Sacombank yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Lương Tấn C phải thanh toán khoản nợ 48.577.110 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm mười đồng) tạm tính đến hết ngày 03/8/2023 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 04/8/2023, ông Lương Tấn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng Sacombank cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Tấn C có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: 48.577.110 đồng x 5% = 2.428.855 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ngân hàng TMCP SGTT được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.900 đồng theo biên lai thu số 0012815 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của C án Tòa án nhân dân tối cao.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT đối với ông Lương Tấn C về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc ông Lương Tấn C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT khoản nợ tạm tính đến ngày 03/8/2023 là 48.577.110 đồng (Bốn mươi tm triệu năm trăm bảy mươi bảy ngn một trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc l 26.770.885 đồng; nợ li qu hạn l 21.806.225 đồng.

Kể từ ngày 04/8/2023, ông Lương Tấn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã

thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP SGTT ngày 18/12/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Tấn C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.428.855 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP SGTT được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.900 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm đồng) theo biên lai thu số 0012815 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ngân hàng TMCP SGTT; Ông Lương Tấn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Q6;
- Các đương sự;
- C án (để báo cáo);
- Lưu HS – VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú

